

Bản án số: 217/2022/HS-ST
Ngày: 12-12-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Ngọc Trao.
2. Ông Nguyễn Thanh Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 223/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1995, tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh P và bà Trương Ánh N; bị cáo có chồng là Dương Thanh T, sinh năm 1991 và 03 con: lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo T bị tạm giữ từ ngày 08/8/2022 đến ngày 11/8/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giam.

Bị cáo đang được tại ngoại và bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa do mới sinh con vào ngày 05/12/2022.

- Bị hại: Công ty cổ phần G.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà VTV, số 8, PH, phường M, quận NTL, thành phố Hà

Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình P – Chức vụ: Chuyên viên pháp lý của công ty (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Số 04 NTB, LN, Đ Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Số 20, đường C, phường 12, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Cẩm T là nhân viên điều phối (đang thử việc, chưa ký hợp đồng lao động) của công ty cổ phần G tại điểm kinh doanh số 49, chi nhánh Công ty cổ phần G tỉnh Đồng Nai có trụ sở tại ấp HB, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Nhiệm vụ của T là sẽ nhận hàng từ xe liên tải vùng, sau đó kiểm lại hàng và xuất kho cho nhân viên mang giao hàng cho khách. Đến cuối ngày, T có nhiệm vụ phải kiểm tra hàng và phải xử lý hàng thiếu hoặc thừa rồi thu tiền từ nhân viên giao hàng về và sau đó T phải gửi tiền hàng đã thu chuyển vào tài khoản của công ty. Vào các ngày 19, 20, 21/11/2021 tổng số tiền nhân viên mang về giao lại cho T là 347.248.000 đồng (làm tròn). Đến ngày 23/11/2021, T thông qua dịch vụ chuyển tiền nhanh của anh Vũ Hoàng L làm chủ, nhờ anh L chuyển khoản số tiền 121.898.000 đồng cho công ty G rồi T trả lại tiền mặt cho anh L. Đến ngày 26/11/2021, T tiếp tục thông qua dịch vụ chuyển tiền nhanh của anh Vũ Hoàng L, chuyển thêm số tiền là 83.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 142.350.000 đồng T đã tiêu xài hết. Cùng ngày, công ty cổ phần G phát hiện T gửi không đủ số tiền nên đã yêu cầu T trả lại hết số tiền còn lại. T đến công ty giao nộp số tiền 15.000.000 đồng, còn lại số tiền 127.350.000 đồng T đánh bạc và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 29/11/2021 Công ty cổ phần G đã làm đơn tố cáo đến công an xã V, huyện N lập hồ sơ chuyển giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N để xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền chiếm đoạt là 127.350.000 đồng.

Bị cáo T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các bút lục 48, 81; 82; 83; 84; 85 bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tình tiết và chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 206/CT.VKS-NT ngày 08/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Lê Thị Cẩm T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo T trả lại số tiền 127.350.000 đồng cho bị hại là công ty cổ phần G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Lê Thị Cẩm T đang tại ngoại nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do mới sinh con ngày 04/12/2022. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo T.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều, bị cáo Lê Thị Cẩm T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cụ thể:

Từ các ngày 19/11/2021 đến ngày 26/11/2021, tại điểm kinh doanh số 49 – chi nhánh công ty cổ phần giao hàng tiết kiệm tỉnh Đồng Nai có trụ sở tại ấp HB, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai bị cáo Lê Thị Cẩm T đã lợi dụng sự tín nhiệm của công ty cổ phần giao hàng tiết kiệm chiếm đoạt số tiền 127.350.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Thị Cẩm T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an. Bị cáo T là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức được hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do cần tiền tiêu xài, lười lao động nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm theo quy định của

pháp luật mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017: “ người phạm tội là phụ nữ có thai”.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T vì bị cáo không có nghề nghiệp ổn định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho cho bị hại là công ty cổ phần G số tiền 127.350.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 6.367.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt phù hợp với Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm s “ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” là không phù hợp vì trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo T không thành khẩn khai báo, khai vòng vo, thời gian tại ngoại bị cáo thường xuyên không có mặt tại địa phương gây khó khăn cho quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Cẩm T phạm tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 08/8/2022 đến ngày 11/8/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho cho bị hại là công ty cổ phần G số tiền 127.350.000 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán đủ khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 6.367.500 đồng (sáu triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5 Về quyền kháng cáo: Bị cáo T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang